

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 226/2022/DS-PT

Ngày 02-12-2022

V/v Tranh chấp bồi thường của Nhà
nước trong lĩnh vực quản lý hành
chính

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân và ông Nguyễn Ngọc Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm
sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm
2022, về việc “Tranh chấp bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành
chính”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của
Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐ - PT ngày 07 tháng 11 năm
2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968; địa chỉ: 04 TP, tổ dân
phố 2, thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- **Bị đơn:** Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 305 GP, tổ dân
phố 2, thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Thị Minh Tr - Phó Chủ tịch
Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 305 GP, tổ dân phố 2, thị trấn
PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Hoàng Thị Như A -
Trưởng Phòng Tư pháp huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 305 GP, tổ dân phố 2, thị
trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:***

Ông Nguyễn Thanh T là một trong số các hộ gia đình bị thu hồi đất tại khu
ĐB, thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do không đồng ý với phương án bồi
thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện K nên ông T đã khiếu nại đến Chủ tịch
Ủy ban nhân dân huyện K để yêu cầu bồi thường về giá đất theo thỏa thuận, bồi
thường cây trồng và vật kiến trúc theo giá thực tế, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề
và tìm kiếm việc làm. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 4252/QĐ-UBND,
ngày 21/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K không công nhận nội

dung khiếu nại của ông T nên ông T đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Sau khi xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; theo đó, buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất với khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông T theo quy định pháp luật. Khi bản án hành chính của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, ngày 26/11/2019 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định thi hành án hành chính số 06/2019/QĐ-THA, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện K vẫn không thực hiện nội dung đã được Tòa án quyết định. Đến ngày 24/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K mới ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 8241/QĐ-UBND, đến ngày 30/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện K mới thực hiện chi trả số tiền 1.571.155.000 đồng mà lẽ ra ông T phải được nhận từ ngày 21/12/2018.

Như vậy, thời gian chậm trả số tiền này là từ ngày 21/12/2018, ngày Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4252/QĐ-UBND, đến ngày 30/12/2020 là 740 ngày, với lãi suất quá hạn là 15%/năm.

Ngoài ra, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K đã không chấp nhận khiếu nại của ông T khiến ông T phải tham gia tố tụng 02 lần tại Tòa án, chịu các chi phí phát sinh, cụ thể: Chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn thư, tiền công không lao động được trong quá trình tham gia tố tụng ở 02 cấp xét xử là 34.080.000 đồng; Chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ở 02 cấp xét xử là 60.000.000 đồng.

Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải bồi thường số tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 15%/năm đối với số tiền chậm trả 1.571.155.000 đồng trong thời gian 740 ngày là $1.571.155.000 \text{ đồng} \times 15\% \times 740 \text{ ngày} = 477.803.301 \text{ đồng}$.

Yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải bồi thường số tiền chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn thư, tiền công không lao động được trong quá trình tham gia tố tụng ở 02 cấp xét xử là 34.080.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xác định lại số tiền yêu cầu đối với nội dung này là 20.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông T về khoản chi phí thuê người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là 60.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm ông T rút yêu cầu này.

*** *Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:***

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 69; khoản 1, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 19 Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì ngày ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là cùng một ngày. Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ (lần đầu) đối với ông T là việc triển khai thu hồi đất theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thu hồi 73.304m² đất của Công ty TNHH MTV cà phê PA để thực hiện dự án khu đô thị Đ B thị trấn PA. Do đó, khi phê duyệt phương án bồi thường, Ủy ban nhân dân huyện K không ban hành quyết định thu hồi đối với hộ ông T và các hộ dân khác. Trên cơ sở đó, ngày để tính chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là ngày phê duyệt phương

án bồi thường, hỗ trợ. Mặt khác, ngày 24/11/2020, Ủy ban nhân dân huyện K đã ban hành Quyết định số 8214/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) đối với ông T theo Quyết định thi hành án số 06/2019/QĐ-TA ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với số tiền 1.571.155.000 đồng, trong đó giá đất để tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 65.000 đồng/m²; đây là giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; không phải giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ lần đầu theo Quyết định 760/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Do đó, tiền chậm chi trả trong trường hợp này chỉ được tính từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung ngày 24/11/2020 đến ngày ông T nhận tiền ngày 31/12/2020, là 37 ngày. Như vậy, trừ đi thời gian chậm trả được pháp luật cho phép là 30 ngày thì thời gian được tính lãi chậm chi trả là 07 ngày, cụ thể: 1.517.155.000 đồng x 7 ngày x 0,03%. Tuy nhiên ông T lại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường lãi suất quá hạn 15%/năm là không phù hợp, bởi lẽ theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017 thì ông T không thuộc trường hợp quy định tại các điều này. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện K không đồng ý với yêu cầu của ông T về việc tính lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quá hạn.

Ủy ban nhân dân huyện K đồng ý với yêu cầu của ông T đối với yêu cầu bồi thường chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư, tiền công không lao động được trong quá trình tham gia tố tụng tại 02 cấp Tòa án là 20.000.000 đồng.

Đối với chi phí thuê người bảo vệ quyền lợi khi tham gia tố tụng tại Tòa án thì ông T đã rút yêu cầu này nên Ủy ban nhân dân huyện K không có ý kiến gì.

*** *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 05/8/2022, của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 11 Điều 17; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; khoản 1 Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Ủy ban nhân dân huyện K đồng ý bồi thường chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo, tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Thanh T với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường số tiền lãi suất quá hạn là 477.803.301 đồng đối với khoản tiền chậm chi trả.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K chi trả số tiền thuê người bảo vệ quyền lợi khi tham gia tố tụng tại 02 cấp Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm với số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/8/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường số tiền lãi suất quá hạn là 477.803.301 đồng do chậm chi trả tiền bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần đơn kháng của ông Nguyễn Thanh T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 05/8/2022, của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Buộc Ủy ban nhân dân huyện K trả cho Ông T số tiền 3.299.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường số tiền lãi suất quá hạn là 477.803.301 đồng do chậm chi trả tiền bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi Bản án hành chính phúc thẩm số 156/HC-PT ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 26/11/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 06/2019/QĐ-THA với nội dung: *Buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải tính thêm phần chi phí đầu tư vào đất còn thiếu đối với khoản đầu tư 275 cây mắc ca cho gia đình ông T theo quy định của pháp luật; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K phải bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với khoản mục hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông T theo quy định của pháp luật*”. Ngày 24/11/2020 Ủy ban nhân dân huyện K đã ban hành Quyết định số 8241/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ (bổ sung) đối với số tiền 1.571.155.000 đồng. Ngày 30/12/2020, Ủy ban nhân dân huyện K đã thực hiện việc chi trả cho ông T số tiền 1.571.155.000 đồng. Ông T

cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện K ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trái quy định pháp luật và việc chậm chi trả số tiền 1.571.155.000 đồng mà lẽ ra ông T phải được nhận từ ngày 21/12/2018 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, cụ thể thời gian chậm chi trả từ ngày 21/12/2018 đến ngày 30/12/2020 là 740 ngày. Ông T xác định số tiền mà Ủy ban nhân dân huyện K gây thiệt hại cho ông là : $1.571.155.000 \text{ đồng} \times 740 \text{ ngày} \times 15\%/năm$ (lãi suất quá hạn) = 477.803.301 đồng.

Như vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk bồi thường thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân huyện K gây ra, trên cơ sở văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường là Bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án. Vì vậy, khi giải quyết vụ án, luật nội dung cần áp dụng là Luật Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước năm 2017.

Căn cứ các điều từ Điều 22 đến Điều 28 Luật Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước thì yêu cầu bồi thường lãi suất quá hạn của ông T không thuộc các thiệt hại được bồi thường theo quy định. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K phải bồi thường số tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 15%/năm đối với số tiền chậm trả 1.571.155.000 đồng trong thời gian 740 ngày là $1.571.155.000 \text{ đồng} \times 15\% \times 740 \text{ ngày} = 477.803.301 \text{ đồng}$.

[2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện K tự nguyện chi trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền chậm chi trả tiền bồi thường trong vòng 07 ngày (từ ngày 25 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020) theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai 2013, số tiền cụ thể: $1.517.155.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ ngày} \times 0,03\% = 3.299.000 \text{ đồng}$ (ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng). Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung tự nguyện này của đương sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 05/8/2022, của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 11 Điều 17; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; khoản 1 Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Ủy ban nhân dân huyện K đồng ý bồi thường chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo, tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Thanh T với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

[2.2] Ghi nhận sự tự nguyện của Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường số tiền chậm chi trả tiền bồi thường trong vòng 07 ngày là 3.299.000 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường số tiền lãi suất quá hạn là 474.504.301 đồng đối với khoản tiền chậm chi trả.

[2.4] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K chi trả số tiền thuê người bảo vệ quyền lợi khi tham gia tố tụng tại 02 cấp Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm với số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- CCTHADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng